

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường
Chương: 412

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- SNNMT ngày /05/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	Chi cục Thủy sản, Biển và Hải đảo	Chi cục Quản lý Đất đai	Chi cục Thủy lợi, Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
1	2	3	4=5+6+...24	5	6	7	8	9	10	11
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	264.505	264.505	91.736	8.524	26.712	5.653	11.227	4.499	17.602
I	Nguồn ngân sách trong nước	264.505	264.505	91.736	8.524	26.712	5.653	11.227	4.499	17.602
1	Chi quản lý hành chính	-	-							
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	86.627	86.627	19.640	3.018	8.040	4.216	3.586	3.949	5.162
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	13.975	13.975	9.065	453	1.121	458	341	190	257
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-							
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100	100	100						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-							
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	55	55	55						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-							
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-							
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-							
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	Chi cục Thủy sản, Biển và Hải đảo	Chi cục Quản lý Đất đai	Chi cục Thủy lợi, Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	292	292	292						
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-							
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	41.399	41.399			6.690				5.248
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	115.861	115.861	66.852	1.485	10.501	979	7.300		6.935
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-							
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.928	4.928							
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	635	635							
7.3	Kinh phí điều tra quan trắc và phân tích môi	8.429	8.429	7.799		270				
7.4	Kinh phí bảo vệ môi trường	(8.429)	(8.429)	(12.699)	3.568	90			360	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-							
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-							
9	tân	-	-							
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-							
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-							
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-							
11	Chương trình mục tiêu	-	-							
11.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2024	129	129	129						
11.2	Chương trình mỗi xã một sản phẩm	299	299	299						
11.3	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	206	206	206						

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường
Chương: 412

Số TT	Nội dung	Văn phòng Điều phối Chương trình XDNTM	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Quản lý Khai thác các công trình Thủy sản
1	2	21	22	23	24
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.014	6.545	396	363
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.014	6.545	396	363
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Văn phòng Điều phối Chương trình XDNTM	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Quản lý Khai thác các công trình Thủy sản
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.055			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	959	6.545		363
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			36	
7.3	Kinh phí điều tra quan trắc và phân tích môi			360	
7.4	Kinh phí bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	tân				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chương trình mục tiêu				
11.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2024				
11.2	Chương trình mỗi xã một sản phẩm				
11.3	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				